

Bản án số: 04/2021/HS-ST
Ngày 18-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Tuyết Thanh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quang và Ông Đỗ Đình Định

- Thư ký phiên tòa: Ông Giang Tiến Hiệp - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HS ngày 07/10/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Giàng Thị D**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh năm 1965; Nơi sinh: Huyện T, tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: Bản T, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 0/12; Con ông Giàng A M, đã chết và con bà Vàng Thị D, đã chết; Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; Chồng: Vàng A D, sinh năm 1964; con: Có 07 con, con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/6/2021 đến ngày 11/6/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu. Có mặt tại phiên tòa.

* Người phiên dịch cho bị cáo: Anh Thào A S, sinh năm 1987; địa chỉ: Bản H, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu; Nơi công tác: Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Công H - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu. Có mặt.

* Người làm chứng: Anh Vàng A C, sinh năm 1979 và anh Tráng A H, sinh năm 1969; đều trú tại bản T, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 02/6/2021, Vàng A C trú tại bản T, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu đi bộ đến nhà của Tráng A H trú cùng bản với mục đích rủ H đi mua Thuốc phiện về sử dụng, H đồng ý. Do H không có tiền nên đã hỏi vay C số tiền 50.000 đồng để mua Thuốc phiện, C đồng ý. Sau đó, H và C cùng nhau đi bộ đến nhà của Giàng Thị D, trú cùng bản để mua Thuốc phiện. Trên đường đi, C đưa cho H vay số tiền 50.000 đồng, đồng thời đưa cho H số tiền 150.000 đồng mục đích nhờ H mua hộ Thuốc phiện, H đồng ý. Đến nhà của D, H đi vào gặp D để hỏi mua Thuốc phiện, còn C đứng bên ngoài sân đợi. Khi gặp D, H hỏi “*có Thuốc phiện bán không*”, thì D trả lời “*có một tí*”, nghe D nói vậy thì H nói “*thế lấy cho hai trăm*” đồng thời đưa cho D số tiền 200.000 đồng, D cầm tiền rồi đi vào giường ngủ lấy 01 gói Thuốc phiện mà D đã mua được từ một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết cách đó khoảng 01 tuần ra chia thành 05 gói đều được gói ngoài bằng mảnh nilon màu trắng. Lúc này, D cất 01 gói Thuốc phiện vào bên trong túi vải và để tại giường ngủ với mục đích bán kiếm lời, sau đó D cầm 04 gói Thuốc phiện ra đưa cho H. Sau khi H mua được Thuốc phiện thì C đi vào rồi cả hai cùng đi xuống bếp của gia đình D để hút thuốc Lào, còn D thì ngồi trên giường. Lúc này, H đưa lại cho C 03 gói Thuốc phiện, C cầm Thuốc phiện trên tay trái, còn H giữ lại 01 gói Thuốc phiện cho bản thân, sau đó H để gói Thuốc phiện ở dưới chân cột nhà sát chỗ H ngồi.

Hồi 14 giờ 00 phút cùng ngày, Công an xã Hố Mít, huyện Tân Uyên đang làm nhiệm vụ tại khu vực bản Tà Hủ, xã Hố Mít thì nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại nhà của Giàng Thị D đang tụ tập đông người, nghi có biểu hiện liên quan đến hoạt động tội phạm về ma túy nên đã tiến hành kiểm tra, xác minh. Quá trình kiểm tra, Công an xã Hố Mít thu giữ của H 01 gói Thuốc phiện có khối lượng 0,28 gam, thu giữ của C 03 gói Thuốc phiện có tổng khối lượng 0,62 gam. Cả H và C đều khai nhận số Thuốc phiện trên do H mua của D với mục đích để sử dụng; thu giữ của D số tiền 200.000 đồng do D bán Thuốc phiện cho H mà có, đồng thời D đã giao nộp 01 gói Thuốc phiện gói ngoài bằng mảnh nilon màu trắng có khối lượng 1,99 gam với mục đích bán kiếm lời.

Ngày 02/6/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Uyên đã tiến hành thành lập hội đồng mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu vật giám định và niêm phong vật chứng. Tại bản kết luận giám định số 53/KLGĐ ngày 03/6/2021 của Công an huyện Tân Uyên, kết luận: Vật chứng nghi là chất ma túy thu giữ của Giàng Thị D có khối lượng là 1,99 gam, vật chứng nghi là chất ma túy thu giữ của Vàng A C có khối lượng là 0,62 gam, vật chứng nghi là chất ma túy thu giữ của Tráng A H có khối lượng là 0,28 gam. Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Uyên đã trích toàn bộ chất dẻo, màu nâu đen, có mùi hắc thu giữ của Giàng Thị D, Vàng A C, Tráng A H để gửi giám định. Tại bản kết luận giám định số 404/GĐ-KTHS ngày 07/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu, kết luận: 03 (ba) mẫu chất dẻo, màu nâu đen, có mùi hắc thu giữ của Giàng Thị D, Vàng A C, Tráng A H gửi giám định là ma túy, loại: Thuốc phiện.

Tại bản kết luận giám định số 406/GĐ-KTHS ngày 10/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: Số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) bao gồm: 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng; 01 (một) tờ tiền

Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng; 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng; 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng; 03 (ba) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000 đồng; 02 (hai) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 2.000 đồng; 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 1.000 đồng gửi giám định đều là tiền thật

Bản cáo trạng số 75/CT-VKS-TU ngày 30/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên đã truy tố bị cáo Giàng Thị D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Bản kết luận điều tra và Bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng, không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt vì bị cáo rất thành khẩn khai báo, là người dân tộc thiểu số, không biết chữ, không nói được tiếng phổ thông, là phụ nữ, chưa có tiền án, tiền sự.

Tại lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nội dung vụ án, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập hợp pháp. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: Hồi 14 giờ 00 phút, ngày 02/6/2021, tại nhà của mình ở bản T, xã H, huyện T, tỉnh

Lai Châu bị cáo Giàng Thị D đã thực hiện hành vi bán trái phép 04 gói Thuốc phiện có tổng khối lượng 0,9 gam với giá 200.000 đồng cho Tráng A H và tàng trữ 01 gói Thuốc phiện có khối lượng 1,99 gam với mục đích bán kiếm lời thì bị phát hiện, bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, quan điểm về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Khi thực hiện hành vi bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an trên địa bàn nên cần được xử lý nghiêm minh.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo không đi học nên không biết chữ, là người đồng bào dân tộc thiểu số.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, trình độ học vấn rất thấp nên nhận thức pháp luật rất hạn chế. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian trên mức khởi điểm của khung hình phạt để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng bị cáo nghề nghiệp làm ruộng, nguồn thu nhập không ổn định, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 1,99 gam Thuốc phiện thu giữ của bị cáo Giàng Thị D, 0,28 gam Thuốc phiện thu giữ của Tráng A H, 0,62 gam Thuốc phiện thu giữ của Vàng A C, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Uyên đã trích toàn bộ gửi giám định chất ma túy, sau khi có kết luận giám định không hoàn lại mẫu vật. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

05 mảnh nylon màu trắng xét thấy cần tịch thu tiêu hủy theo Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Số tiền 200.000 đồng thu giữ của bị cáo, đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Những vấn đề liên quan:

Về nguồn gốc số Thuốc phiện bị cáo bán cho H và số Thuốc phiện thu giữ của bị cáo, bị cáo khai mua của một người đàn ông dân tộc Mông không rõ nhân thân lai lịch với số tiền 500.000 đồng. Quá trình điều tra không xác định được nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với hành vi Tàng trữ trái phép 0,62 gam Thuốc phiện của Vàng A C và hành vi Tàng trữ trái phép 0,9 gam Thuốc phiện của Tráng A H (H là người mua hộ thuốc phiện cho C nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng khối lượng Thuốc phiện đã mua cho H là 0,28gam và mua hộ cho C là 0,62gam). Tuy nhiên hành vi của C và H chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và hiện tại C và H không có tiền án, tiền sự. Vì vậy Công an huyện Tân Uyên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với C và H là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự nhưng do gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Giàng Thị D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Giàng Thị D 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, trừ 09 (Chín) ngày tạm giữ, còn lại bị cáo phải chấp hành 02 (Hai) năm 05 (Năm) tháng 21 (Hai mươi một) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

3. Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 03 bì thư làm bằng phong bì của Công an huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu bên trong đựng 05 mảnh nilon màu trắng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) do bị cáo Giàng Thị D phạm tội mà có.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 08 giờ 50 phút ngày 14/10/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Uyên với Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tân Uyên)

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi Cục THADS huyện Tân Uyên;
- Công an huyện Tân Uyên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Tuyết Thanh